BÀI GIẢNG: MẠO TỪ (P1)
CHUYÊN ĐỀ: MẠO TỪ (NÂNG CAO)
MÔN TIẾNG ANH - LỚP 12
BIÊN SOẠN: CÔ GIÁO: HOÀNG XUÂN

OBJECTIVES

- *Mạo từ*

I. A/an: Mạo từ không xác định

A	An
- Đi với từ bât đầu bằng phụ âm. **Ví dụ:** a doctor, a big car - Đi với từ bat đấu nguyên âm nhưng phát âm như phụ âm. **Ví dụ:** a university /,ju:n'vs:seti/ a European country	- Đi vái từ bắt đấu bằng nguyên âm (u, e, o, a, i) **Ví dụ:** an apple an interesting film car - Đi với từ bát đầu bằng âm /h/ câm. **Ví dụ:** an hour /'aug(r)/ an honest man /'pnist/

II. A/an vs The

A/an	The
- Đi với danh từ chỉ vột/người khi vột/người được nhắc đến lần đâu (người nghe không biết chính xác hoặc chưa từng biết đến vột/người đó) Vi dụ: I had a sandwich and an apple for lunch.	- Đi với danh từ chí vật/người khi vột/người được nhắc đến lôn thư 2 ingurời nghe biétthiếu người nói đang nói đến ngươi/vật nào) **Ví dụ:** The sandwich wasn't very good, but the apple was nice.
- Đi với danh từ chí vột/người không cụ thế. không xác đinh (người nghe không biết chính xác hợc chưa tưng btết ẩn vột/người đó) **Ví dụ:** Ann is looking for a job.	- Đi vói danh từ chỉ vật/người cư thế, xác định (cả người nói và người nglie đếu biết đâng nớ vế người/vật nào) **Ví dụ:** Did Ann get the job she applied for?
- Nghĩa là 1	- Có thế đi với danh từ số it/ sớ nhiều/ không đếm được

- Đi với danh từ đếm được số ít (không đi với danh từ số nhiều và không đếm được) Vi dụ: She's reading a book about ancient history.	**Ví dụ:** I finally finished reading the book(s) you lent me last week. I really love the music from that movie.

III. Các trường hợp bắt buộc dùng a/an

1. a/an + đơn vi đo lường/chỉ tồn suất/ tốc độ...

Ví dụ:

+ It cost 2$ a litre.

+ I go to the cinema about once a month.

+ You're driving at ninety miles an hour.

2. a hundred/ thousand/million

Ví dụ:

+ He has saved a hundred dollars for the trip.

+ The library has a thousand books on the topic of science.

3. a/an + nghề nghiệp/ chức vụ

Ví dụ:

+ Ms Xuan is a teacher.

+ Mr. Pike is a sales manager.

4. a/an + căn bệnh

Ví dụ: I've got a headache.

5. a/an + danh từ chỉ người/vột số ít đế nói vế 1 ngươilvật bất kỳ của 1 loại/loài.

Ví dụ: An owl can see in the dark. (an owl = any owl).

6. a/an + danh từ chỉ người/vột số ít đế mố tá ngưởi/vột đó thuộc loại/ nhóm/ kiếu nào.

Ví dụ:

+ The play was q comedy.

+ He's an honest man.

IV. Các trường hợp không dùng a/an

1. Không dùng a/an trước:

- danh từ số nhiều

- danh tư không đếm đươợc

Ví dụ:

+ Both my parents are architects.

+ Music can help people relax and recuce stress.

2. Không dùng a/an trước tên các bữ ân, trư khi có tính tư dứng trước

Ví dụ:

+ I usually have breakfast at 7.

+ We had a big breakfast yesterday.

3. Không dùng a/an trước:

- số đo (size 35...)
- số nhá ga (platform 2)
- số phóng (room 555)
- số trang giấy (page 10)
- loại vitamin (Vitamin C...)

----WRAP UP----